

Phẩm 12: HIỀN THỦ

- Số câu: “Phàm Hành chẳng hư giả...” Đây có hai ý nối tiếp. Thứ nhất đối chiếu với Hành ở trước để thành đức nơi phẩm này.

Thứ hai, từ câu: “Lại như Bồ tát Trí Thủ ở trước” tiếp xuống: Là diễn rộng về đức đã thành tựu ở trước. Cho nên theo đấy mà nối tiếp.

- Số câu: “Khiến nêu lên tính chất viên dung nơi Tín, Hành v.v...”:
Đại sư Trí Khải (538-597) của Tông Thiên thai đã dựa vào một phẩm này lập ra pháp “Chỉ Quán Viên đốn”. Pháp Chỉ Quán thứ nhất nêu: “Bồ tát này nghe pháp viên mãn, liền khởi tin tưởng viên mãn, xác lập sự hành trì viên mãn, an trụ nơi quả vị viên mãn. Dùng công đức viên mãn mà tự trang nghiêm. Đem diệu lực viên mãn nơi dụng để kiến lập cho chúng sinh.” Nay Tông chỉ tức là pháp viên mãn, về ý thú thì có năm:

Một là Tín, tức dấy khởi lòng tin viên mãn.

Hai là Hành.

Ba là Vị.

Bốn là Đức.

Năm là Dụng.

Đều dùng tính chất viên dung nêu trên để thấu tóm, xuyên suốt.

Kiến giải kia đã giải thích về việc “Lãnh hội pháp” như sau:

“Đó là lãnh hội sinh tử tức là Pháp thân, phiền não tức là Bát-nhã, kết nghiệp tức là Giải thoát. Tuy có ba tên gọi mà không có ba Thể. Tuy là một Thể mà lập thành ba tên gọi. Ba pháp ấy tức là một Tướng, Thật ra không có khác. Pháp thân rốt ráo thì Bát-nhã. Giải thoát cũng rốt ráo. Bát-nhã thanh tịnh thì phần còn lại cũng thanh tịnh. Giải thoát tự tại thì các phần còn lại cũng tự tại. Nghe hết thấy các pháp cũng như thế, đó gọi là “lãnh hội pháp viên mãn”.

Thế nào gọi là dấy khởi sự tin tưởng viên mãn? Đó là tin tất cả các pháp tức Không tức Giả tức Trung. Không có một, hai, ba mà là có một, hai, ba. Không một, hai, ba là ngăn chặn một, hai, ba, mà là một, hai, ba là soi chiếu về một, hai, ba. Không ngăn chặn, không soi chiếu là hội nhập thẳng nơi Trung đạo, đều là rốt ráo, thanh tịnh, tự tại. Nghe chỗ sâu xa không sợ, nghe chỗ rộng lớn không nghi. Lãnh hội chỗ chẳng phải là sâu xa chẳng phải là rộng lớn thì ý càng thêm vững mạnh. Đó gọi là tin tưởng viên mãn.

Thế nào gọi là thực hành hạnh viên mãn? Là hoàn toàn chuyên bộ cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng, không hướng về một cái gì khác. Ba

đế tu tập viên mãn, chẳng bị vắng lặng bởi biện không, chẳng bị động loạn bởi bên Có. Chẳng động loạn, chẳng vắng lặng mà hội nhập thẳng vào Trung đạo. Đấy gọi là Hành trì viên mãn”

Về sự viên mãn của Vị, Đức, Dụng thì hoàn toàn dẫn kinh Hoa Nghiêm. Nếu tự dùng kinh hiện tại nói về “Sự lãnh hội viên mãn” tức lãnh hội về mười Huyền môn như: “Môn đồng thời cụ túc tương ứng” v.v... đã nêu trước, và y báo chánh báo không ngăn ngại, dựa vào đây dấy khởi tin tưởng tức là Tin viên mãn. Về Hành trì viên mãn v.v... thì đều đã diễn rộng như trước. Nay, một Phẩm này phần nhiều đã bàn rộng về tính chất viên dung nơi Đức và Dụng.

- Sở câu: “Tức cùng với phần văn xuôi có sự tóm lược bổ sung”: Văn xuôi chỗ dấy khởi ở sau chỉ khởi về phát tâm, trong kệ thì chỉ khởi về chỗ tu tập, nên hai nơi dấy khởi ở sau ấy cùng tóm lược bổ sung cho nhau. Trong phần tóm kết ở trước thì văn xuôi có nói về “Công đức lớn” mà không có “Phật xưa từng tu tập”. Trong kệ thì có phần này mà lại không có phần “công đức lớn”, nên cũng lia tóm lược bổ sung.

- Sở câu: “Một là ít lời mà thấu tóm nhiều nghĩa”: ý thứ nhất nêu trên là chỉ do những người tán dương, nhiều nghĩa là chỉ cho kệ, ý thứ hai là do kệ có văn lời hay đẹp.

- Sở Từ câu: “Ba kệ sau là chia chương...” tiếp xuống: Văn nơi đoạn này có hai:

Một: Chính thức giải thích văn Kinh.

Hai: Từ câu: “Khởi đầu phát tâm ở đây...” tiếp xuống: Là nhận định phân biệt về hỏi, đáp. Trong phần này có hai đoạn Hỏi, đáp:

Thứ nhất: Hỏi về chỗ cạn sâu của sự phát tâm.

Thứ hai: Hỏi về nguyên do của sự thấu tóm viên dung.

Thứ nhất: Sở câu: “Do sự phân biệt ấy nên chẳng phải là không có sai khác”: Trong đó, từ chữ “Sai khác” trở xuống là văn của hai nơi.

- Sở câu: “Cho nên Kinh Anh Lạc nói: Trụ ở phát tâm, tức người ấy...” Là chứng minh, xác nhận phát tâm là chung cho nghĩa khởi đầu. Kinh ấy, quyển thứ hai, phần đầu nơi phẩm “Thích Kinh nghĩa” nói: “Phật tử! Trụ của phát tâm” là người ấy khởi đầu từ hàng phàm phu có đủ mọi trói buộc chưa từng biết về bậc Thánh giác ngộ với ba ngôi báu, chưa rõ về chỗ tốt xấu của Nhân, Quả. Tất cả đều chẳng biết, chẳng hiểu, chẳng rõ. Phật tử! Từ chỗ chẳng rõ, khởi đầu nơi hàng phàm phu, được gặp Phật, Bồ tát giáo hóa, ở nơi chánh pháp trong một niệm khởi sự tin tưởng, nên phát tâm Bồ-đề. Người ấy, bấy giờ, trước hết là tin tưởng, gọi là Bồ tát tín tưởng, cũng gọi là Bồ tát giả danh, Bồ tát danh

tự. Người ấy tóm lược hành trì mười Tâm, đó là Tâm tin tưởng, Tâm tinh tấn, Tâm niệm, Tâm định, Tâm Tuệ, Tâm giới, Tâm Hồi hướng, Tâm hộ pháp, Tâm xả và Tâm nguyện...”.

Lại nói: “Phật tử! Trụ nơi phát tâm là phần tinh tấn hơn hết nơi người có thiện căn. Hoặc một kiếp, hai kiếp cho đến một hằng hà sa, hai hằng hà sa, nơi chỗ Phật, hành trì mười Tín tâm, tin ba ngôi báu thường trụ v.v...”.

- Sớ câu: “Cho nên biết rõ trong đó, sự phát tâm bao quát cả trước sau.”: Bị đứ sự trói buộc, chưa nhận biết... Bắt đầu phát tâm như thế là khởi đầu. Mà một kiếp, hai kiếp tu tập mới đạt được Trụ thứ nhất. Trước Trụ chỉ gọi là Bồ tát tín tướng, thì rõ ràng là chung cho cả đầu cuối.

- Sớ từ câu: “Hỏi, đây đã cho là đầu” tiếp xuống: Là phần hai, hỏi đáp, làm rõ nguyên do của sự thâm tóm viên dung. Phần này gồm hai: Một là Hỏi; Hai là, từ câu: “Bậc cổ đức giải thích chỗ này” tiếp xuống: Là giải đáp. Phần giải đáp gồm ba chi tiết:

Một: Chính thức giải thích nghĩa gốc.

Hai: Nêu thêm về cách giải thích khác.

Ba: Dẫn ra chỗ vướng mắc để kết hợp với tông chỉ.

Trong chi tiết một được phân làm hai:

Thứ nhất: Biện minh về Hành bố (Tính chất nêu bày, thứ lớp).

Thứ hai: Từ câu: “Hai là môn Viên dung thâm tóm chung” tiếp xuống: Là biện minh về viên dung. Phần này cũng gồm hai:

Một là, chính thức biện giải về Viên dung.

Hai là, từ câu: “Trong đó có hai môn” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do của sự Viên dung. Phần này thì gồm ba:

Thứ nhất: Cùng nêu lên cả hai môn.

Thứ hai: Cùng giải thích cả hai môn.

Thứ ba: Nhận định phân biệt về Hỏi đáp.

- Sớ từ câu: “Trong phần trước gồm tóm khắp” tiếp xuống: Là phần hai, cùng giải thích cả hai môn. Tức phân làm hai. Theo trong môn thứ nhất lại chia làm hai:

Một: Chính thức biện minh về “Môn duyên khởi tương do”, diễn rộng như trong phần Huyền đàm ở trước.

- Sớ từ câu: “Trong Kinh này đã dựa vào nghĩa ấy” tiếp xuống: Là phần hai, lãnh hội, dung hợp với văn Kinh.

Nói “Như văn của phần tiếp sau nơi Phẩm mười định, mười Thông v.v...”: Tức hai phẩm Mười định, Mười Thông, nghĩa bao quát cả trước sau, đầu cuối. Còn chữ v.v... (đẳng) là chỉ cho phẩm Mười Nhẫn. Trong

phẩm Mười Nhẫn nơi phần tiếp sau của Kinh có pháp Nhẫn “Âm thanh thuận nhẫn”, tức là căn cứ nơi năm Nhẫn để biện minh về nghĩa. Bảy, Tám, Chín địa đã được Nhẫn vô sinh, đã vượt qua tín thuận, hướng chỉ đối với bậc Đăng Giác. Nay nêu rõ bậc Đăng Giác có “Âm thanh thuận nhẫn” nên là thấu tóm cả phần đầu.

- Sơ câu: “Mười Trụ, Thập Hạnh cùng nêu bày”: Nghĩa là từng bậc, từng bậc, nơi chốn viên mãn thì đều thành Phật. Một Trụ nếu không gồm thấu các Trụ thì làm sao có thể nói là đạt được quả vị viên mãn thành Phật? Nên sau mười Trụ có Trụ Quán đỉnh, sau phần “Hải Tràng Quán đỉnh” thì liền nói về Phật.

- Sơ câu: “Như Phẩm Ly Thế Gian nói”: Phẩm Ly Thế Gian có hai ngàn pháp hành, theo như thứ tự phối hợp với Hành của Trụ, mà không giữ lại tên gọi của quả vị ấy, chỉ có cùng với Hành của quả vị tương ứng.

- Sơ câu: “Hai là môn Pháp giới dung nhiếp”: Là nói về môn thứ hai, theo nơi văn có thể nhận biết.

- Sơ từ câu: “Phần sau nơi phẩm Phát tâm công đức” tiếp xuống: Là phần ba, nhận định phân biệt về Hỏi, đáp. (Phần hai là Cùng giải thích về hai môn). Có ba đoạn Hỏi, đáp:

Một: Hợp cả phần trước sau nơi văn Kinh.

Hai: Từ câu: “Hỏi, căn cứ nơi pháp cùng gồm thấu nên có thể là như thế” tiếp xuống: Là dùng pháp để nêu nghi về người. Trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp, nói: “Mười ngàn kiếp chính là một Kinh” tức là Kinh Nhân Vương.

- Sơ từ câu: “Kinh này ví như có Hành bố” tiếp xuống: Là phần ba, thông tỏ chỗ vấn nạn. Tức có vấn nạn: “Như chỗ nêu bày ở trên đã có Hành bố, thì ở đây cùng với các Kinh có gì khác biệt?” Nên nay đáp: Hành bố chính là Hành bố của Viên dung.

- Sơ từ câu: “Cũng có nêu dẫn phần văn tiếp theo ấy” tiếp xuống”: Là phần hai (của phần Giải đáp. Phần một là chính thức giải thích nghĩa gốc) nêu thêm về cách giải thích khác. Tức kiến giải của Pháp sư An Quốc. Phần này gồm ba:

Một: Chính thức xác lập.

Hai: Nêu dẫn văn để chứng minh, xác nhận.

Ba: Biện giải về chỗ thuận, trái.

Trong phần một, ý nhằm nêu rõ: Phát tâm là sự chứng đắc của Địa thứ nhất (Sơ địa) Phát tâm chẳng phải là phát tâm của Tín thành tựu. Do tác dụng thù thắng của nó, nên chẳng phải là hạng trước Địa.

- Sở câu: “Do có, tức đạt được Quán đỉnh, mà quả vị thăng tiến v.v... nên chẳng phải là Tín”: Là phần hai, nêu dẫn văn để chứng minh, xác nhận. Nhưng nói “vân vân” (đẳng) tức kiến giải kia có mười nghĩa để chứng minh trong đó chẳng phải là “Tín thành tựu”. Mười nghĩa gồm:

Một: Do nói về việc đoạn trừ lưới nghi, ra khỏi dòng chảy của Ái, nên có được tâm kiên cố không bị hủy hoại. Do vậy nếu chưa nhập vào vị Thánh thì sao có thể vượt qua Nghi? Nếu là phàm phu thì sao có thể có Tâm chẳng bị hủy hoại? Nhập vào bậc “Kiến đế” mới có thể vượt qua Nghi và có sự tin tưởng chẳng bị hủy hoại.

Hai: Nếu chưa nhập nơi Địa thì chẳng thể có được việc luôn giữ giới.

Ba: Chẳng thể cho là sinh nơi nhà của Như Lai.

Bốn: Phàm phu chẳng thể có được ba nghiệp thân ngữ ý luôn không lỗi lầm.

Năm: Chẳng thể cho là đạt được công đức nơi Thân Pháp tánh.

Sáu: Chẳng nên cho tức là đạt được mười tự tại của thập Địa.

Bảy: Chẳng phải tức đạt được Quán đỉnh mà quả vị thăng tiến.

Tám: Chẳng nên cho rằng tức Thân sung mãn biến hiện khắp nơi hư không.

Chín: Do đâu mà Bồ tát có đủ Trí tuệ?

Mười: Tin nơi pháp Đại thừa hãy còn là việc dễ. Có thể tin được pháp ấy lại càng khó gấp bội! Há có pháp của phàm phu mà khó hơn so với pháp của bậc Thánh?

Nên biết Phẩm này chính là chỉ dạy lìa bỏ nẻo phàm, lần lượt cho đến tiến vào nơi quả vị Phật.

Nay, văn nơi bản Sở giải đã lược dẫn chỗ chứng minh của kiến giải kia, kể như là cùng nêu bày về một ý.

- Sở từ câu: “Như thế thì Địa thứ nhất há đạt được Quán đỉnh” tiếp xuống: Là biện giải chỗ sai trái. Văn có năm đoạn:

Một: Chính là dùng chỗ nêu dẫn kia để vấn nạn về chỗ xác lập. Chỉ vấn nạn một nghĩa, chín nghĩa còn lại theo đấy có thể nhận biết. Tức là, đã cho trong thập Địa mới đạt được Quán đỉnh. Vậy giả như là Địa thứ nhất thì há đạt được Quán đỉnh?

Hai: Từ câu: “Như cho rằng lần lượt tiến tới” tiếp xuống: Là giả thiết kiến giải kia có sự biện hộ thì trái với chỗ dùng để xác lập.

Ba: Từ câu: “Nếu thuận theo Tín” tiếp xuống: Là giả như kiến giải kia biện hộ thì tóm kết để phá bỏ chỗ xác lập.

Bốn: Từ câu: “Phần văn tiếp theo tự có sự kết hợp của thập Địa” tiếp xuống: Là dẫn rộng văn để chứng minh, làm rõ chỗ xác lập kia là sai trái.

“Bàn luận một cách hấp tấp, thiếu căn cứ” (Mãnh lãn chi đàm) xuất xứ từ sách của Trang Tử, đã gặp ở phẩm Hoa Tạng.

Năm: Từ câu: “Phần sau nơi phẩm Phát Tâm” tiếp xuống: Là nêu ra sự đả phá. Văn của đoạn sau nơi phần xác lập chẳng phải là đúng lý. Do văn nơi phần sau của kiến giải kia cũng nhận xét phẩm này là sự phát tâm của địa thứ nhất. Ở đây chẳng hợp với chỗ xác lập thì rõ ràng kiến giải kia là sai trái.

- Số từ câu: “Hỏi, phần tiếp theo cho là vô lượng ức kiếp siêng gắng tu học” tiếp xuống: Là phần ba (của phần Giải đáp), dẫn ra chỗ vướng mắc để kết hợp với Tông chỉ. Gồm hai: Một là hỏi. Hai là thông hợp. Trong phần một (Hỏi) tức là văn của phẩm này. Đại sư An Quốc Kiên quyết lập luận hướng về chứng minh sự phát tâm phải trải qua nhiều kiếp, chứ không phải mới phát tâm trong một đời. Cũng không phải mười ngàn kiếp cho là vô lượng. Để ngăn chặn việc bào chữa cho nghĩa của “Sự phát tâm”. Hướng chỉ còn bào chữa vô lượng tức là mười ngàn kiếp ư?

- Số từ câu: “Thông tỏ chỗ vấn nạn ấy” tiếp xuống: Là phần thông hợp. Ý của phần thông hợp có thể nhận biết.

- Số câu: “Thứ ba là cũng gồm luôn việc tu tập hành trì”: Là nêu đầy đủ về Hành, Vị. Hành tức tu tập, hành trì. Vị tức cũng là đức của sự tu tập hành trì ấy. Cho nên cho rằng: “Pháp này cùng với hai pháp sau đều là đức của sự tu tập hành trì”.

- Số câu: “Luận Du Già nói về Bồ tát địa, nêu rõ sự phát tâm có năm thứ tướng”: Văn nơi bản Số giải có hai:

Một: Giải thích phần văn được nêu ra. Nói về “Hành tướng” nên dẫn Luận Du Già nêu rõ về năm nghĩa. Mà “Hành tướng” là chung nên là đề mục được nêu ra.

- Số từ câu: “Gọi là Nhân duyên” tiếp xuống: Là nhắc lại Kinh để giải thích riêng về nghĩa của Nhân duyên. Phần này gồm hai:

Một: Dùng nghĩa để giải thích tóm lược.

Hai: Từ câu: “Luận Du Già nói” tiếp xuống: Là dẫn văn để giải thích.

Nơi phần dẫn văn gồm ba chi tiết:

Một là, dẫn Luận Du Già.

Hai là, dẫn luận Khởi Tín.

Ba là, kết hợp với Kinh hiện tại.

Trong chi tiết một, ngoài Nhân, duyên (bốn Nhân, bốn duyên) lại thêm bốn Lực. Duyên tức là cảnh giới của sự thấy, nghe. Nhân nghĩa là chỗ phát khởi của nội tâm. Lực tức là chỗ có về tài năng. Rõ ràng là bốn Nhân nêu trước chính là đối chiếu với sự phát tâm để biện minh về dụng của Lực. “Tự Lực” tức là Nhân của chủng tánh phát khởi. “Tha Lực” tức là chỗ thấu tóm của bạn lành. “Nhân lực” tức là tự dấy khởi tâm bi. “Gia hạnh lực” tức chịu khó tu hành trong thời gian dài. Lại nữa, bốn Lực thành tựu tức gọi là Nhân. Tự nơi chính mình có thể phát khởi.

- Sớ câu: “Kinh hiện tại, tức là loại đầu và thứ ba”: Trong văn không có người khuyến khích, nên không nói về Gia hạnh của Nhân.

- Sớ câu: “Luận Khởi Tín, Kinh Trí Ấn nói có bảy Nhân duyên”: Luận viết: “Thành tựu chánh tín (Tín thành tựu) mà phát tâm thì nương theo hạng người nào, tu tập những hạnh gì để thành tựu được chánh tín và có khả năng phát tâm? Đó là nương nơi chúng sinh trong “Bất định tụ”, đã có sức huân tập của thiện căn, tin nghiệp báo, có khả năng phát khởi mười thiện, chán cái khổ nơi sinh tử, mong cầu đạo quả Bồ đề Vô thượng, được gặp chư Phật, gần gũi nương theo cúng dường, tu hành tín tâm, trải qua một vạn kiếp, tâm tin tưởng được thành tựu, nên được chư Phật, Bồ tát chỉ dạy khiến phát tâm. Hoặc do tâm đại bi nên có thể tự phát tâm. Hoặc nhân nơi chỗ chánh pháp sắp bị diệt, do nhân duyên hộ pháp nên có thể tự phát tâm. Những người thành tựu tâm chánh tín mà phát tâm như thế thì nhập vào chánh định tụ, rốt ráo không thối chuyển, gọi là an trụ trong Chủng tánh của Như Lai, tương ứng với nhân chính. Nếu có chúng sinh, thiện căn ít ỏi v.v... chưa trải qua một vạn kiếp, trong đó gặp được duyên, cũng có sự phát tâm. Nghĩa là, hoặc thấy sắc tướng của Phật nhân đấy mà phát tâm. Hoặc nhân sự cúng dường cho chúng Tăng mà phát tâm. Hoặc nhân nơi sự chỉ giáo của hàng Nhị thừa mà phát tâm. Hoặc học theo người khác mà phát tâm. Những người phát tâm như thế thấy đều không nhất định, gặp nhân duyên xấu, hoặc lại thối lui rơi vào hàng Nhị thừa”. Kinh Trí Ấn cũng giống với Luận này.

- Sớ câu: “Tín nghĩa là ở nơi Thật, Đức, Năng, vui thích mong muốn đạt được Nhẫn sâu xa, tâm thanh tịnh là tánh”:

Tức nơi Luận Duy Thức, quyển thứ sáu nói: “Thế nào gọi là Tín? Nghĩa là ở nơi Thật, Đức, Năng, vui thích mong muốn đạt được sự nhẫn sâu xa, Tâm thanh tịnh là Tánh; đối trị với “Chẳng tin”, ưa thích điều thiện là nghiệp. Nhưng chỗ sai biệt của Tín lược có ba thứ :

Một: Tin có Thật. Tức ở trong sự lý thật của các pháp, có được sự gắng sức tin tưởng sâu xa.

Hai: Tin có Đức. Nghĩa là đối với đức chân thật, thanh tịnh của Tam bảo, vui thích tin tưởng một cách sâu xa.

Ba: Tin có Năng lực. Tức đối với hết thảy pháp thiện nơi thế gian và xuất thế gian, tin tưởng sâu xa là có sức mạnh, có thể đạt được, có thể thành tựu, nên dấy khởi hy vọng.

Giải thích: Ba pháp Thật, Đức, Năng là chỗ dựa của Tín. Nhẫn chịu, vui thích, mong muốn ba pháp này theo thứ lớp mà phối hợp.

Nói “Có thể đạt được, có thể thành tựu”: Tức tin nơi mình và người khác, nay có được thì sau sẽ thành tựu. Lại như Vô vi có được là do Hữu vi mà thành. Luận viết: “Do tin đối trị với tâm chẳng tin kia, nên yêu thích sự chứng đắc, tu tập các pháp thiện thế gian và xuất thế gian.”

Giải thích: Ở trên là giải thích về nghiệp của Tín. Phần sau là nhằm phân biệt rõ nên lại có hỏi đáp.

Luận viết: “Nhẫn nghĩa là Thắng giải. Đây tức là nhân của Tín. Ưa thích, mong muốn là dục, tức là quả của Tín. Vậy xác thực Tín này, tự tướng là gì? Há chẳng là vừa nói tâm tịnh là tánh ư. Đây vẫn chưa hiểu rõ lời nói tâm tịnh kia lại hỏi: Nếu nói tịnh thì tức là tâm, nên chẳng phải là tâm sở”. Nếu Tín làm tâm tịnh, thì đâu khác với Tàm v.v...? Và Tâm đều có pháp tịnh cũng vậy ư?

Giải thích: Trong đây có ba vấn nạn nên đầu tiên giải thích theo cách trì nghiệp, tiếp giải thích theo cách Y chủ và cuối cùng giải thích theo cách lân cận.

Luận nói: Tánh của tín này lắng trong có thể tịnh hóa tâm mình. Vì chủ yếu là tâm mình. Vì chủ yếu là tâm tịnh. Như ngọc Thanh thủy có thể làm trong lại nước vẫn đục. Tuy tâm v.v... là Thiện tâm sở nhưng không phải tịnh làm tướng; còn Tịnh của Tín là tướng trạng của nó nên không có lỗi lẫn lộn. Lại các pháp nhiệm riêng đều có tự tướng. Tuy có tự tướng vẫn đục của chẳng tin mà lại có thể làm vẫn đục những tâm, tâm sở khác. Như vật rất dơ bẩn thì tự nó dơ, còn làm dơ vật khác. Tín ngược lại đây hoàn toàn nên lấy Tịnh làm tướng trạng vậy.

Có thuyết nói: “Tín, yêu thích là Tướng, ứng hợp chung cả ba Tánh. Ứng hợp của Thể tức dục. Lại, ứng hợp với Khổ, Tập, chẳng phải là đối tượng được duyên của Tín, có sự chấp giữ.”

“Tín, tùy thuận là Tướng, ứng hợp chung cả ba Tánh, tức như Thắng giải, dục. Như rắm rấp thuận theo, tức là Thắng giải. Như ưa

thích thuận theo là dục. Là thể của hai pháp ấy thì không có tướng thuận theo. Do đấy nên biết, Tâm thanh tịnh là điểm chốt yếu của Tín.

Nay, văn nơi bản Sở giải lược nêu dẫn để giải thích về nghĩa như vậy là đã đầy đủ.

Từ câu: “Nay trong pháp bảo đã thu tóm” tiếp xuống: Là dùng Luận phối hợp với Kinh. Lại có hai ý:

Một là phối hợp riêng. Nghĩa là Pháp có sự lý tức là cái Thật ở phần đầu. Pháp có nẻo Hành của Lý, tức thiện xuất thế gian v.v... là cái Năng của phần sau (Thật, Đức, Năng). Cho nên viết là “Nay trong pháp bảo đã thu tóm trước sau”.

Hai là, câu: “Cũng trong Tam bảo đều gồm đủ ba pháp ấy..” do nghĩa ba pháp trước thông hợp nơi Tam bảo, theo nhu văn có thể nhận biết.

Từ câu: “Đại là tâm trí dốc cầu đại bồ đề” tiếp xuống: Là giải thích câu kệ sau.

- Sở từ câu: “Trong phần riêng” tiếp xuống: Trên là giải thích tổng quát về kệ xong.

- Sở câu: “Nửa kệ đầu là phân biệt, loại trừ sự thiên lệch, giả dối”: Tức là ý trong sách “Chỉ Quán” của Tông Thiên Thai. Ở đây có hai phần văn:

Một: Nơi quyển thứ năm nêu rõ mười pháp tạo thành Thừa, trong đó có nói về sự phát tâm Bồ đề chân chánh. Cho nên viết là: “Phân biệt, loại trừ sự thiên lệch, giả dối”. Phần tiếp sau của Sở giải nêu: “Có Tâm của hai Thừa gọi là thiên lệch..”

Hai: Là nơi quyển thứ nhất, trong đó biện minh về năm điều tóm lược hướng: Đó là phát tâm lớn, tu tập hạnh lớn, chiêu cảm quả lớn, nêu bày sự nối kết lớn quy về nơi chốn lớn.

Nay, tức văn trong phần thứ nhất là “Phát tâm lớn”. Nhưng ở đây lại phân làm ba:

Một là, nói về phương pháp.

Hai là, phân biệt chỗ sai trái.

Ba là, hiển bày chỗ đúng.

Phần nói về phương pháp thì dễ lãnh hội. Nay đem chỗ “Chẳng cầu tìm một hành” đối hợp với phần “Phân biệt chỗ sai trái” kia. Phần văn còn lại tức tương đương với phần “Hiển bày chỗ đúng”.

Thứ nhất: Văn kia viết: “Đạo cũng có chung có riêng. Nay phân biệt rõ lược nêu ra mười nẻo: (dịch tóm ý)

Một: Hành theo nẻo lửa thiêu đốt (địa ngục)

Hai: Hành theo nẻo máu chảy (súc sinh) Ba:

Hành theo nẻo đao kiếm (Nga quỷ) Bốn:

Hành theo nẻo A tu la.

Năm: Hành theo nẻo Người.

Sáu: Hành theo nẻo trời.

Bảy: Hành theo nẻo Ma la.

Tám: Hành theo nẻo Ni kiền.

Chín: Hành theo nẻo Sắc, Vô sắc.

Mười: Hành theo nẻo Nhị Thừa.

Hoặc tâm, hoặc đạo đều chẳng phải là quá nhiều, nên lược nêu mười nẻo”. Nay, phần Sở giải muốn nêu đủ “mười thứ sai trái” ấy, nên đối với kinh văn lần lượt theo đấy mà chọn lấy.

Văn nơi bản Sở giải phân làm hai:

Một: Biện minh chung. Tức là ý nơi Luận Du Già.

Hai: Từ câu: “Trong văn chẳng cầu năm sự” tiếp xuống: Là chính thức giải thích văn kinh, phối hợp thành “Mười điều sai trái”. Nhưng chẳng cần phải dẫn hoàn toàn ra như vậy. Do tùy theo một phiên nào gồm có nhân của ba đường dữ, nên chỉ chọn lấy ý lược nêu rõ. Cứ tìm xét văn nơi bản Sở giải nêu dẫn trên, rõ ràng là dễ lãnh hội. Song nhân của Trời, người bao hàm cả ba cõi: Một là cõi người. Hai là các cõi Trời thuộc Dục giới. Ba là hai cõi còn lại. Phần văn còn lại có thể nhận biết.

Từ câu: “Có Tâm của hai Thừa” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận. Tức chín nẻo trước là giả dối. Một nẻo sau là thiên lệch.

- Sở câu: “Trong đó, đối hợp với bốn Nhân bốn duyên nêu trên, có thể thấu đạt được ý”: Từ nơi thâm tâm tin tưởng, hiểu rõ, cùng tin tưởng sâu xa nơi chư Phật và pháp Phật, tức Nhân thứ nhất là Chủng tánh gồm đủ. Cung kính, tôn trọng tất cả chư Phật, tức là Nhân thứ hai: Nhờ nơi Phật và Bồ tát nhiếp thọ. Do sự cung kính, chính là để nhằm vĩnh viễn diệt trừ cái khổ của chúng sinh, tức là Nhân thứ ba: Luôn dấy khởi tâm từ bi. Thường muốn đem lại lợi lạc cho mọi chúng sinh, trang nghiêm cõi nước, cúng dường Phật, tức là Nhân thứ bốn: Trong thời gian dài, thực hành những hành khổ khó làm. Bốn Nhân nêu đủ. Nói bốn duyên, tức:

- Cung kính, tôn trọng tất cả chư Phật, do thấy nghe về những uy lực thần biến, tức là duyên thứ nhất.

- Thọ trì chánh pháp, tu tập các thứ trí tuệ do lãnh hội được giáo

pháp vi diệt, tức là duyên thứ hai.

- Lại nữa, dốc sức thọ trì chánh pháp, vì thấy chánh pháp sắp bị hủy diệt, tức là duyên thứ ba.

- Chỉ nhằm diệt trừ vĩnh viễn cái khổ của chúng sinh, do thấy chúng sinh thọ nhận báo khổ của nghiệp, phiền não, đó là duyên thứ tư.

Thấy rõ khổ là duyên, luôn thể hiện tâm Bi là Nhân. Cho nên tuy chỉ một đoạn văn mà nhân duyên gồm đủ. Trong đó, bốn Lực do chẳng đủ nên không kết hợp.

- Sở từ câu: “Lại nữa, trên từ chẳng cầu năm dục” tiếp xuống: Là giải thích lần nữa về văn kinh. Do chỗ giải thích từ trước giờ đều có tham khảo ý của bậc cổ đức. Từ đây trở xuống toàn bộ là ý mới, không can hệ tới những kiến giải cũ. Văn tự có năm đoạn:

Một: Căn cứ nơi đức của sự tin tưởng.

Hai: Căn cứ nơi tâm Bồ đề.

Ba: Căn cứ nơi Phật tánh.

Bốn: Căn cứ theo bốn hồng thệ nguyện.

Năm: Tóm kết, quy về nẻo chân chính.

Một: Tức năm kệ nơi kinh văn, nên phân làm hai:

Một kệ đầu là nêu lên sự phát tâm của Tín.

Bốn kệ sau là làm sáng tỏ đức của Tín.

- Sở câu: “Nay văn nơi bản Sở giải đều nêu đủ, song không theo đúng thứ tự”: Phần tiếp theo của kinh kia (Kinh Anh Lạc) viết:

“Một là gần gũi với bạn lành. Hai là cúng dường chư Phật. Ba là tu tập thiện căn. Bốn là chí nguyện cầu pháp thù thắng. Năm là tâm luôn hòa dịu. Sáu là gặp khổ có thể nhẫn chịu. Bảy là tâm từ bi sâu dày. Tám là thâm tâm luôn bình đẳng. Chín là yêu thích pháp Đại thừa. Mười là mong đạt trí tuệ của Phật”.

- Sở câu: “Đức thứ tư có ba chữ” là “Cúng dường Phật”. Còn lại là hoàn toàn giống với văn của kinh.

- Sở câu: “Lại nữa, mười đức này tức cầu đạt ý của Bồ đề”: Là đoạn thứ hai, nêu rõ về Tâm Bồ đề.

Mà nói: “Phát tâm Bồ đề v.v...” Tức kinh kia có văn diễn rộng về phần này, lược nêu có mười bốn trường hợp phát tâm Bồ đề, tóm kết, mở rộng đến Vô biên. Nay, văn nơi bản Sở giải chỉ nêu lên một trường hợp, dùng chữ v.v... để chỉ cho mười ba trường hợp còn lại. Tức là:

Hai: Nhằm vâng làm, cúng dường tất cả chư Phật, đầy đủ, rốt ráo nên phát tâm Bồ đề (các trường hợp sau phần sau cùng đều có câu:

“Thảy đều đầy đủ, rốt ráo nên phát tâm Bồ đề”).

Ba: Nhằm làm nghiêm tịnh quốc độ của tất cả chư Phật.

Bốn: Nhằm hộ trì chánh pháp của hết thảy chư Phật.

Năm: Nhằm thành tựu viên mãn thệ nguyện của tất cả Như Lai.

Sáu: Nhằm đi đến quốc độ của hết thảy chư Phật.

Bảy: Muốn hội nhập nơi chúng hội của tất cả chư Phật.

Tám: Muốn nhận biết về thứ lớp các kiếp trong hết thảy thế giới.

Chín: Nhằm nhận biết về biển Tâm của tất cả chúng sinh.

Mười: Muốn nhận biết về biển Căn của hết thảy chúng sinh.

Mười một: Nhằm biết rõ về biển nghiệp của mọi loài chúng sinh.

Mười hai: Nhằm nhận rõ về biển Hành của tất cả chúng sinh.

Mười ba: Nhằm diệt trừ phiền não của hết thảy chúng sinh.

Mười bốn: Nhằm nhổ sạch biển tập khí của phiền não nơi tất cả chúng sinh thảy đều đầy đủ, rốt ráo, nên phát tâm Bồ đề.

Thiện nam! Tóm lại, Bồ tát dùng hàng trăm vạn A-tăng-kỳ phương tiện hành hóa như thế để phát tâm Bồ đề. Bồ tát hành hóa, hội nhập khắp hết thảy các pháp, đều chứng đắc, nên đi vào khắp tất cả các cõi thảy đều trang nghiêm thanh tịnh. Do vậy, làm nghiêm tịnh xong xuôi nơi tất cả thế giới thì thệ nguyện của Như Lai mới xong. Nhổ sạch mọi tập khí của phiền não nơi tất cả chúng sinh xong xuôi thì thệ nguyện của Như Lai mới viên mãn.”

Giải thích: Ở trên đều là đối tượng được gồm thâu thực hiện của tâm Bồ đề. Đối chiếu với văn của kinh hiện tại có thể thấu đạt được ý.

- Sơ từ câu: “Kệ sau cùng, câu đầu...” tiếp xuống: Là đoạn ba, căn cứ theo Phật tánh. Tức tùy theo chỗ vấn nạn mà hiển bày lần nữa về chủng tánh đầy đủ nơi nghĩa của ba thứ Phật tánh. Đó là Luận Phật Tánh, quyển thứ hai, phẩm thứ ba: Hiển bày Thể phân làm ba nhân. Luận viết: “Lại nữa, Thể của Phật tánh có ba thứ, là chỗ thâu tóm của ba Tánh. Cho nên biết ba thứ đó là ba Nhân. Ba Nhân của ba thứ Phật tánh là:

Một: Ứng đắc nhân.

Hai: Gia hạnh nhân.

Ba: Viên mãn nhân.

Ứng đắc nhân: Tức Chân như mà hai không đã hiển hiện. Do vậy nên tương ứng đạt được tâm Bồ đề, cho đến Pháp thân của sự chứng đạo về sau.

Gia hạnh nhân, tức là Tâm Bồ đề, do tâm ấy nên đạt được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười độ nơi thập Địa, cho đến Pháp thân của sự chứng đạo về sau.

Viên nhân mãn, tức là từ nhân Gia hạnh, do nhân này nên đạt được tất cả mọi viên mãn.

Ba thứ Phật tánh chính là, trong nhân Ứng đắc có đủ ba Tánh. Một là Trụ tự tánh. Hai là Dẫn xuất tánh. Ba là chí đắc quả tánh.

Giải thích: “Trụ tự tánh” là hàng phàm phu ở trước đạo (kiến đạo) “Dẫn xuất tánh” là từ phát tâm trở lên, tận cùng là quả vị của bậc Thánh hữu học. “Chí đắc quả tánh” là quả vị của bậc Thánh tu học đã hoàn tất (Vô học)

- Số câu: “Lại nữa, vẫn có bốn hồng thệ nguyện, có thể đạt được ý”: Là đoạn bốn, căn cứ nơi bốn thệ nguyện rộng lớn.

Câu: “Trong văn không câu năm thứ dục, tức hiển bày “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”

“Chỉ vì nhằm diệt trừ vĩnh viễn sự khổ chúng sinh”, tức là “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”.

“Thọ trì chánh pháp, tu tập các thứ trí tuệ”, tức là “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”.

“Chứng đắc Bồ đề”, tức là “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”. Như vậy là đủ bốn Hồng thệ nguyện.

- Số từ câu: “Lại, ở trên nói: Thâm tâm tin, hiểu luôn thanh tịnh” tiếp xuống: Là đoạn năm, tóm kết để quy về nẻo Chân chính. Phần này gồm hai:

Một: Hiển bày về Thể của tâm Bồ đề chân chính.

Hai: Chính thức tóm kết, quy về.

Trong phần một có ba ý:

Một là, căn cứ nơi ba tâm Bồ đề.

Hai là, căn cứ nơi ba Quán.

Ba là, căn cứ nơi bốn Hồng thệ nguyện.

Một căn cứ nơi ba tâm Bồ đề.

Thứ nhất nêu rõ tâm đại trí.

Thứ hai: Từ câu: “Thương xót cho chúng sinh bị mê lầm...” tiếp xuống: Là nói về tâm đại bi.

Thứ ba: Từ câu: “Tiếc cho ngày trước chẳng biết” tiếp xuống: Là tâm đại nguyện. Tức tâm Bồ đề là ngọn đèn, đại bi là dầu, đại nguyện là tim đèn, đại trí là ánh sáng. Ánh sáng tỏa chiếu khắp Pháp giới.

Theo như trên thì thứ tự là: Tâm chất trực, Tâm đại bi, tâm sâu

xa.

Hai: Căn cứ nơi ba Quán: Bi, Nguyên là Giả quán. Trong tâm đại trí nêu trước, đã nêu rõ về bản tánh thanh tịnh, tức là Không quán. “Phiền não tức Bồ đề”, “Xưa nay là Phật” tức là Trung đạo quán.

Ba: Căn cứ nơi bốn Hoằng thế nguyện:

Thứ nhất, chung cho việc xác lập Lý, do đây là bốn Hoằng thế nguyện theo Viên giáo, nên nêu rõ là xứng hợp với Tánh.

Từ câu: “Tin phiền não tức là Bồ đề” tiếp xuống: Là hiển bày riêng về bốn thế nguyện lớn.

Thứ nhất, câu vừa nêu tức “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”.

Thứ hai, Từ câu: “Do xứng hợp với bản tánh mà phát tâm” tiếp xuống: Tức “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”.

Thứ ba, Từ câu: “Thương xót chúng sinh bị mê lầm” tiếp xuống: Tức “Chúng sinh vô biên thế nguyện độ”.

Thứ tư, Từ câu: “Tiếc cho ngày trước chẳng rõ” tiếp xuống: Là “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”.

Ở đây nêu rõ về bốn Hoằng thế nguyện là chỉ chung cho bốn Hoằng thế nguyện nêu trên. Trên chỉ nêu văn, nay đem chữ “Tâm sâu xa” để dung hợp, lãnh hội nơi bốn pháp ấy khiến diệu nghĩa viên mãn.

- Sở từ câu: “Có Bi nên không thiên về chỗ tịch tĩnh của bên Không” tiếp xuống: Là phần hai, chính thức tóm kết, quy về. Tức là trên nêu ra tuy nhiều nghĩa, nhưng không ra ngoài Bi, Trí. Do đó, nay đúc kết, tức tóm kết văn nơi bản Sở giải nêu trên cùng với Kinh...

- Sở từ câu: “Thứ hai, Tín là gốc, là chỗ khởi đầu của đạo” tiếp xuống: Đoạn này đa phần nói trong sách Chu Dịch.

Song nói: “Một nghĩa gốc (nghĩa chữ Nguyên) tức gốc của Bồ đề. Ý cho nghĩa Gốc là gốc nơi đức của “Quả”. Còn nghĩa đứng đầu (Nghĩa thứ hai của Nguyên) là đứng đầu nơi “đức của Nhân”.

Nói “Nguyên là sự lớn lao của điều thiện”: Tức nơi phần văn của quả Càn thuộc sách Chu Dịch. Giải thích về bốn đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, nói: “Nguyên là đầu tiên, lớn, trùm mọi điều thiện. Hanh là hanh thông, thuận tiện, tập hợp các điều hay. Lợi là nên, thỏa thích, hòa hợp với các điều phải. Trinh là chính, bền chặt, gốc của mọi việc. Quân tử thể hiện điều Nhân đủ để nuôi lớn nẻo Nhân. Tập hợp điều hay đủ để hợp với Lễ. Đem lại lợi ích cho muôn vật đủ để hòa với Nghĩa. Chính trực, bền chắc đủ để làm gốc của mọi việc. Người quân tử hành hóa bốn đức ấy nên gọi là Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh của Quả Càn”.

Nay chỉ dùng nghĩa của một chữ Nguyên.

- Sở từ câu: “Thân tâm chẳng tin” tiếp xuống: Là nêu ngược lại để xác nhận nghĩa nêu trên.

Tướng của Tri kiến là Bồ đề. Tánh của Tri Kiến là Niết-bàn. Cho nên “Pháp Hoa Luận Thích” cho “Mở ra” tri kiến của Phật là nghĩa vô thượng, tức là cùng mở ra cả Bồ đề, Niết-bàn.

- Sở câu: “Dụ về ngọc báu Như ý lược có năm nghĩa”: Tức chọn lấy cùng với Tín tương ứng. Nếu dựa theo Luận Bảo Tánh thì châu báu kia có sáu nghĩa: Tụng của Luận viết:

*“Chân thật, đời ít có
Sáng sạch cùng uy lực
Tạo trang nghiêm thế gian
Tối thượng chẳng biến đổi.”*

Nay, văn nơi bản Sở giải nêu dẫn thì nghĩa “Thù thắng” đã thâu tóm hai nghĩa “Chân thật” và “Tối thượng”. Bốn nghĩa còn lại thì giống nhau. Nghĩa thứ tư tức uy lực. Nghĩa thứ năm tức Trang nghiêm, hoặc không trang nghiêm thì thêm vào đấy nghĩa tích tụ.

Nhưng năm nghĩa nơi Bản Sở giải đều nói bao hàm cả pháp, dụ. Suy xét thì có thể nhận biết.

- Sở câu: “Hãy còn chẳng thể có được thân ghê lở của loài dã can”: Tức văn nơi kinh Tát Già Ni Kiên Tử, quyển thứ tư.

- Sở từ câu: “Ba Tụng đầu biện minh về quả vị của mười Trụ” tiếp xuống: Là nêu rõ về các quả vị, đều hàm chứa cả nghĩa, lý, cùng như Phẩm gốc.

Song nói: “Tăng thượng là Trụ bất thối chuyển”: Do ở trước, Tâm ngay thẳng, nghe lời khen ngợi, che bai đều bất động. Nay, nghe điều không lợi hại, lại sâu xa, mà tâm không thối chuyển, nên là Tăng thượng. Phần còn lại như văn tiếp theo, theo đấy mà xét, tìm. Nhưng đều ẩn giấu tên gọi của quả vị, trong đó chỉ giữ lại phần Hành. Hoặc hợp lại hoặc chia ra, hoặc tóm lược hoặc mở rộng, đều chẳng hoàn toàn theo thứ lớp. Ý nhằm biện minh nẻo viên dung của Tín, tức là tức khắc gồm đủ. Cũng giống như nơi phẩm Ly Thế Gian, sáu quả vị tức thì gồm đủ; cũng tức khắc tạo thành hai ngàn Hành, quả vị, quả vị tu tập tức thì. Nếu toàn bộ theo thứ lớp thì chỉ đạt được nghĩa một phần của “Hành bố”.

- Sở câu: “Do nếu có kia thì có đây”: Là phân biệt rõ để tránh sự lẫn lộn, nhằm biện minh đó là nghĩa Viên dung. Tức vừa đạt được một quả vị thì đạt được tất cả quả vị. Như loại hương thơm mười vị, vừa đốt một viên, dù nhỏ như hạt cải, thì mười hơi thơm cùng phát ra. Nếu có

người nghe hương ấy thì cũng lãnh hội cả mười vị. Như khi đạt được hơi thơm của trầm thủy thì cũng có được hơi thơm của Chiên đàn. Như có được mùi “Tô hợp” thì cũng đạt được mùi “Long não”. Mười vị nơi viên thuốc để uống đều đạt được cũng dựa theo đây để nhận biết. Chẳng phải như sự dẫn dắt, dung hợp do được phần trước thì mới có thể đạt được phần sau. Chẳng phải như đi bộ trên đường, nếu đi được một dặm thì đi được hai dặm. Nếu đi qua hai dặm thì tiến tới ba dặm. Cho nên trong quả vị này chẳng ở nơi tên gọi của quả vị. Hoặc chia ra hoặc hợp lại, chính ở nơi ấy cần nên suy xét kỹ.

- Sơ câu: “Lược biện giải về nghiệp dụng của mười môn Tam muội”: Nhưng nơi pháp “Quán Hoàn Nguyên” (trở lại cội nguồn) đã lập sáu thứ:

Một Thể.

Hai Dụng.

Ba Biến hiện khắp

Bốn Đức

Năm Chỉ.

Sáu Quán; cũng không ra ngoài chỗ này (các môn Tam muội)

- Nói “Một Thể” tức Thể của tự tánh thanh tịnh, tròn sáng. Tức chung cho Thể của mười định (Tam muội).

- Nói “Hai dụng”, tức: Một là “Hải Ấn sam la thường trụ dụng” (Dụng của Biến thường trụ muôn hình tượng), ở đây là môn Tam muội thứ nhất (Viên minh hải ấn Tam muội môn).

Kế là “Pháp giới viên minh tự tại dụng” (dụng của Pháp giới tròn sáng, tự tại), tức là “Hoa nghiêm diệu hạnh Tam muội môn” (Môn Tam muội thứ hai)

- Nói “Ba Biến hiện khắp”, tức là:

Một: “Nhất trần phổ chu pháp giới biến”.

Hai: “Nhất trần xuất sinh vô tận biến”.

Ba: “Nhất trần hàm dung không, hữu biến”.

(Sự biến hiện của một vi trần có mặt khắp pháp giới.

Sự biến hiện của một vi trần phát sinh đến vô tận.

Sự biến hiện của một vi trần hàm chứa cả không, có).

Ba Biến hiện này đều là “Nhân-đà-la võng Tam muội môn” (Tam muội thứ ba)

- Nói “Bốn đức” là:

Một: “Tùy duyên diệu dụng vô phương đức” (đức của diệu dụng tùy duyên không giới hạn).

Hai: Đức của sự giữ vững uy nghi phép tắc.

Ba: Đức của sự hòa dịu, ngay thẳng nhiếp phục chúng sinh.

Bốn: Đức của sự thay thế mọi chúng sinh chịu khổ.

Tức là tiếp theo đến môn Tam muội thứ sáu.

- Nói “Năm Chỉ” là:

Một: Chỉ của việc soi chiếu pháp, trong, rộng, lia mọi duyên.

Hai: Chỉ của sự xem xét người theo nẻo tịch diệt, lia mọi dục.

Ba: Chỉ của tánh dấy khởi phần tạp theo pháp như thế.

Bốn: Chỉ của Ánh sáng hiện rõ, dứt mọi niệm.

Năm: Chỉ của Sự lý dung thông huyền diệu vượt mọi hình tướng.

- Nói “Sáu Quán” là:

Một: Quán thấu tóm cảnh quy về nẻo chân không của Tâm.

Hai: Quán từ tâm hiện bày nẻo diệu hữu của Cảnh.

Ba: Quán Tâm Cảnh Viên dung bí mật.

Bốn: Quán Trí Thân cùng hiện nơi các duyên.

Năm: Quán nhiều thân hội nhập vào hình tượng nơi một tấm gương.

Sáu: Quán Chủ bạn cùng hiện bày nơi lưới báu Đế thích.

Phần Chỉ, Quán nêu trên đều là “Tịch dụng vô nhai Tam muội môn” Nên mười môn ấy không gì là không thấu tóm.

Giải thích rộng về một Thể, sáu Quán v.v... đầy đủ như phần biện giải của pháp “Quán Hoàn nguyên”.

- Số từ câu: “Nghĩa của Hải Ấn” tiếp xuống: Văn nơi bản Số giải phân làm bốn:

Một: Nêu ra chương.

Hai: Biện minh chung.

Ba: Chỉ rõ riêng về loại nghĩa.

Bốn: Tổng kết về Sự nhân định chọn lọc.

Phần một có thể nhận biết.

- Số từ câu: “Phần tiếp sau nơi kinh nói: Như nơi nước trong, bóng bốn bình” tiếp xuống: Là phần hai, biện minh chung. Tức nêu dẫn kinh hiện tại cùng với kinh khác, để nêu rõ chủ thể hiện bày, đối tượng được hiện bày là tướng của Hải Ấn.

Nói “Cho đến câu: Thủy đều hiện rõ ở trong nước”: Tức phần giữa nói:

*“Các loại sai khác không xen tạp
Kiếm, kích, cung, tên rất nhiều loại
Mão, giáp, xe cộ chẳng phải một*

*Theo đấy, bao nhiêu tướng sai biệt
Thấy đều hiện rõ ở trong nước.
Nhưng nước vốn tự không phân biệt
Tam muội Bồ tát cũng như thế...”*

Tức nơi kinh Hoa Nghiêm quyển thứ mười lăm.

- Sở câu: “Lại nói: Biển có pháp thù thắng đặc biệt”: Tức trong quyển ấy (quyển một năm) phần sau kết hợp nói:

*“Vô tận thiên định, bậc giải thoát
Là Ấn bình đẳng cũng như vậy
Phước đức, trí tuệ, các diệu hạnh
Khấp tu tất cả không chán đủ.”*

- Sở từ câu: “Kinh Đại Tập quyển mười bốn nói” tiếp xuống: Là nêu dẫn văn của kinh khác. Văn nơi bản Sở giải phân làm hai:

Một: Chính thức nêu dẫn.

Hai: Giải thích.

Trong phần một tức nơi Phẩm Bồ Tát Hư Không Tạng. Phần đầu của văn nêu dẫn phải thêm câu: “Thiện nam tử”. Trong đó chữ “Cũng vậy” (Bồ Tát cũng vậy) thì nơi kinh là “Cũng lại như thế”. Phần còn lại đều hoàn toàn giống nhau.

- Sở từ câu: “Nhưng văn của kinh này” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích. “Kinh này”, tức kinh Đại Tập đã nói ở trên.

Nói: “Song phẩm Xuất Hiện hiện bày về hình tướng nơi bốn cõi thiên hạ”: Văn của Phẩm ấy viết: “Phật tử! Ví như biển cả có thể in hiện khắp hình tượng sắc thân của tất cả chúng sinh trong bốn cõi Thiên hạ, do đó được gọi là biển cả. Sự giác ngộ của chư Phật cũng như thế: Hiện bày khắp về tâm niệm, căn tánh, chỗ mong muốn, ưa thích của hết thấy chúng sinh mà không chốn hiện. Vì vậy nên gọi là sự giác ngộ của chư Phật”. Phần Kệ tiếp sau có câu:

*“Như biển in, hiện tâm chúng sinh
Do đấy được gọi là biển cả
Bồ đề in khắp mọi tâm hành
Vì thế gọi là bậc chánh giác”.*

- Sở từ câu: “Nói mười nghĩa” tiếp xuống: Là phần ba, hiển bày riêng về các loại nghĩa.

- Sở câu: “Kinh nói: Biến hiện khắp mười phương”: Tức là Kinh hiện tại (Hoa Nghiêm), ở trong khoảng một niệm biến hiện khắp mười phương.

Nói “Thấy đều bao hàm khắp không một đối tượng nào ở ngoài”:

Tức chỉ rõ chỗ nêu dẫn ở trên. Mười nghĩa được nêu dẫn ấy đều ở trong phần chung nêu trên. Chỗ dẫn về Kinh Đại Tập cùng phẩm Xuất Hiện (Kinh Hoa Nghiêm), văn hầu hết đều dễ lãnh hội. Song nghĩa thứ mười nói: “Do chẳng đối đãi vì vậy mà luôn hiện bày”: Đây là dùng nghĩa thứ mười để giải thích, xác nhận nghĩa thứ chín, tức là phân biệt chỗ khác nhau. Do mười xác nhận chín nên gọi là giải thích, xác nhận. Nhưng nghĩa thứ chín là bàn theo chiều dọc (thời gian). Còn nghĩa thứ mười là nói theo chiều ngang (không gian), nên là phân biệt.

- Sở từ câu: “Gồm đủ mười nghĩa nêu trên” tiếp xuống: Là phần bốn, Tổng kết, gồm hai:

Một: Chính thức tóm kết.

Hai: Từ câu: “Hỏi: Kinh Nhân Vương nói ba Hiền” tiếp xuống: Là nhận định về phần hỏi đáp. Trước hỏi, sau đáp.

Phần hỏi, tức nơi quyển thượng, phẩm Bồ tát giáo hóa. Kinh viết: “Như Bồ tát an trụ trong trăm quốc độ của Phật, làm vua cõi Diêm-phù-đề, thống lãnh bốn cõi thiên hạ, tu tập trăm pháp môn sáng tỏ, hai đế với tâm bình đẳng, hóa độ hết thủy chúng sinh.” Phần kệ tiếp theo nói:

*“Bồ tát khéo rõ bốn thiên hạ
Cùng chiếu hai đế nẻo bình đẳng
Quyền hóa chúng sinh khắp trăm cõi
Mới đạt nẻo Nhất thừa vô tướng”.*

Giải thích: Ở đây, phần trước lại không có câu văn “Thành Phật”.

- Sở từ câu: “Đáp tức chỗ nêu dẫn kinh Đại Tập ở trên” tiếp xuống: Là phần hai, đáp lại, gồm ba chi tiết:

Một: Nêu phần đã dẫn ở trước để đáp.

Hai: Dẫn riêng văn để đáp.

Ba: So sánh, chỉ ra tính chất viên dung.

Một: Tức chỗ dẫn về kinh Đại Tập nêu trên nói Quán đỉnh là Trụ thứ mười. Cho nên viết: “Kinh ấy nói là Trụ sau cùng”. Vậy thì bậc Hiền thứ nhất đã được tám Tướng. Sao có thể chỉ dẫn riêng kinh Nhân Vương nói về ba Hiền mà không có văn về tám Tướng ?

- Sở từ câu: “Như Kinh Chiêm Sát” tiếp xuống: Là chi tiết hai, dẫn văn riêng để đáp. Nghĩa là kinh Chiêm Sát nói làm Phật có bốn yếu tố:

Một là Tin tưởng viên mãn. Chính là hợp với văn hiện tại. ba yếu tố còn lại là nhân tiện mà nêu ra. Tức là:

Hai là Hiểu biết viên mãn, là đồng với kinh Đại Tập nói thọ nhận bậc Quán đỉnh nêu trước.

Ba là chứng đắc viên mãn, tức chứng đắc ngay từ đầu, đó là chứng đắc viên mãn, nên gọi là Tịnh Tâm địa, tức là địa thứ nhất.

Bốn là “Cứu cánh Bồ tát địa”, tức là sau Địa thứ mười.

Luận Khởi Tín nói: “Như Bồ tát nơi Địa tận cùng, tâm giác bắt đầu dấy khởi, tâm không có tướng ban đầu, do xa lìa các niệm vi tế, nên thấy được Tánh của Tâm, Tâm liền thường trụ, nên gọi là giác ngộ rốt ráo”.

- Sở từ câu: “Luận Khởi Tín dựa vào đấy” tiếp xuống: Trên là nêu dẫn Kinh, đây mới là nêu dẫn Luận. Dùng “Tín thành tựu” để phát tâm, tức là đã viên mãn bậc Tín thứ nhất. Luận viết:

“Bồ tát phát được Tâm ấy thì thấy được phần ít Pháp thân. Do thấy được Pháp thân nên theo nguyện lực, có thể hiện ra tám thứ Tướng đem lại lợi ích cho chúng sinh. Đó là từ cõi trời Đâu-xuất hiện xuống thế gian, vào thai mẹ, ở trong thai, ra khỏi thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn”. Tức là vẫn nói về tám Tướng.

- Sở câu: “Huống chi trong môn Viên dung không dựa nơi thứ bậc”: Là chi tiết ba, so sánh, chỉ ra nghĩa viên dung. Tức chỗ nêu dẫn trên đây còn là Hành bố (thứ lớp trước sau). Do bốn bậc thành Phật có sâu cạn chẳng đồng. Nay thì khởi đầu là gồm đủ sau cùng, nên là viên dung. Nay căn cứ nơi “Tín viên mãn” cũng như dựa vào thuyết “Chung giáo” mà nói đó thôi.

- Sở từ câu: “Nhân Quả không ngăn ngại” tiếp xuống: Là thông tỏ phần vấn nạn.

Nghĩa là có vấn nạn: “Nếu đầu tức là sau thì sẽ hủy hoại tính Nhân Quả”. Cho nên vì thế mà ở đây cân thông tỏ, nêu rõ tính chất vô ngại. Chính nơi lúc khởi Nhân tức đã có Quả, trong Quả có Nhân. Tùy theo môn loại chẳng đồng nên gọi là Nhân gọi là Quả. Vì Thể không trước sau nên có được sự viên dung. Cả hai cùng tồn tại thì cũng Nhân cũng Quả. Cả hai cùng vắng bật thì nơi biến Quả lìa dứt mọi ngôn từ.

- Sở câu: “Lại, sự hóa hiện ấy chẳng phải chỉ một vị, dựa nơi một loại cảnh giới”: Là trở lại phân biệt văn nêu trước để làm rõ sự viên dung. “Chẳng phải chỉ một vị” tức hiển bày đủ tất cả các bậc, vị. “Chẳng phải dựa nơi một loại cảnh giới” tức hiển bày sự biến hiện khắp thời gian, nơi chốn.

Thứ hai là Hoa Nghiêm Tam muội.

- Sở câu: “Muôn hạnh như Pháp thân của Hoa Nghiêm nên phần

còn lại như đã nêu riêng”.

Di Vong tập nói: “Tóm lược có mười pháp Quán:

Một: Quán thân tóm Tướng quy về nẻo Chân.

Hai: Quán Tướng dứt thì chứng đắc Thật.

Ba: Quán Tướng, Thật không ngăn ngại.

Bốn: Quán theo Tướng nhiếp phục chúng sinh.

Năm: Quán Duyên khởi cùng thân tóm.

Sáu: Quán Vi tế dung nạp, thân nhiếp.

Bảy: Quán Một Nhiều tương tức.

Tám: Quán theo lớp lớp tầng tầng như lưới báu của Đế thích.

Chín: Quán Chủ, BẠN viên dung.

Mười: Quán Biến quả bình đẳng.

Rõ ràng là mười pháp Quán này dung thông bốn Pháp giới:

Quán một và hai là Lý Pháp giới, đầu cuối không khác nhau.

Quán ba tức là Sự Lý Vô ngại pháp giới.

Quán bốn tức là Sự pháp giới

Quán năm tức là Sự Sự Vô ngại pháp giới.

Quán thứ năm tức “Nhất đa tương dung bất đồng môn”.

Quán thứ sáu tức “Vi tế tương dung an lập môn”.

Quán thứ bảy tức “Chủ pháp tương tức tự tại môn”.

Quán thứ tám tức “Nhân đà la võng cảnh giới môn”.

Quán thứ chín tức “Chủ BẠN viên dung cụ đức môn”.

Về Quán thứ mười: “Biến quả dứt tuyệt mọi ngôn từ” là chung cho chỗ tốt cùng của bốn Quán trước. Tức bốn Pháp giới, mười thứ Huyền môn đều căn cứ nơi phần nhân ấy.

Tuy nhiên, mười pháp Quán này đã gồm thân muôn loại, không khác với chỗ đã nêu trong phần Huyền đàm nên đã bàn rộng ở nơi khác.

Lại như trong phần “Giải thích đề mục” đã hiển bày về nghĩa Hoa Nghiêm. Nhưng nơi “Hoàn Nguyên Quán” giải thích:

“Tu khắp muôn hạnh, xứng hợp với thật, thành tựu các đức, biến hiện khắp pháp giới mà chứng đắc Bồ đề. Như Hoa có công dụng của việc kết thành trái; hành có công năng của việc đem lại Quả. Nay thì nhờ nơi sự để biểu hiện chỗ sáng rõ, vì thế nên nêu Hoa làm dụ. Nghiêm là, hành tất thành tựu quả. Khế hợp với Lý xứng hợp với Chân. Tánh Tướng cùng bật. Chủ thể, đối tượng cùng dứt. Hiển bày chỗ sáng tỏ, rực rỡ, nên gọi là Nghiêm. Bởi vì, chẳng phải là Hành của dòng Chân thì không lấy gì để khế hợp với Chân. Đâu có cái Hành đem lại vẻ đẹp cho

Chân, mà chẳng từ Chân phát khởi? Đây tức Chân bao quát cả ngọn rộng, thì Hành không gì là không tu tập. Vọng thấu triệt cả nguồn Chân nên Tướng không gì là chẳng vắng lặng. Vì vậy nói: “Diệu dụng của pháp giới tự tại, viên minh, vô ngại là Hoa Nghiêm Tam muội”.

Nếu lại giải thích chung thì dùng chung muôn Hành trang nghiêm nơi pháp giới, thành tựu nơi Pháp thân là Hoa Nghiêm.

Hành có Hành bố, Viên dung. Thành Phật cũng có mười Thân chung, riêng. Riêng như Trưởng giả Phổ Nhân dùng mười Ba-la-mật để trang nghiêm thành mười Thân. Dung thông thì như tám địa, trong một niệm, mười độ tu tập viên mãn. Khi thành Phật thì mười Thân không ngăn ngại. Cho nên gọi là Hoa Nghiêm. Phần còn lại như trong đoạn giải thích về đề mục đã nêu.

Thứ ba là Nhân đà-la võng Tam muội.

- Số câu: “Nửa kệ tiếp theo nêu lên một để đối chiếu với các phần khác, cũng có hai ý”:

- Ý trước là đối chiếu với ý thứ nhất đã nêu ở trước. Tức đã cho là trong một vi trần có nhiều vi trần hướng tới, mới nói là một vi trần thấu tóm các cõi. Nay thì mới nêu bày là ở trong vi trần vốn có đủ các vi trần khác thấu tóm các cõi.

- Ý sau là đối chiếu với ý thứ hai đã nêu trước. Chỗ này là nêu ra, vi trần chẳng phải là trong vi trần nói ở trước, mà là ngoài vi trần nêu trước, vi trần trong chỗ biến hiện khắp pháp giới.

- Số câu: “Do ở nơi thời trước dùng tay bưng vật dụng cúng dường Phật, bố thí cho người, xứng hợp khắp pháp giới”: Đây là nêu ra Nhân: “Cúng dường Phật, bố thí cho người” là căn cứ nơi thực hành bố thí. “Xứng hợp khắp pháp giới” là căn cứ nơi Tâm bố thí, hội nhập pháp Quán sâu xa.

- Số câu: “Cho nên khiến cho chỗ nêu bày về chân với vật dụng cúng dường ngang với chỗ khó nghĩ bàn của chư Phật”: Là hiển bày Quả hiện tại.

“Chỗ nêu bày về Chân với vật dụng cúng dường” là hiển bày lúc đưa ra vật cúng dường tâm do xứng hợp với pháp giới, tay đưa ra vật cúng dường. “Ngang với chỗ khó nghĩ bàn của chư Phật” là xứng hợp với Cảnh của Nhân. Nhân tuy tôn quý, thù thắng, nhưng tâm không xứng hợp với Cảnh thì chẳng phải là sự cúng dường chân chính. Do xứng hợp với Nhân của Chân, nên chiêu cảm được quả của sự xứng hợp với Chân. Có thể cúng dường đúng Cảnh của Phật đích thực.

- Số câu: “Nửa đầu là đối trị v.v...”: Tức văn hiển bày về Đối trị

Tất đàn (bốn Tất đàn). “Tùy theo chỗ ưa thích của tâm là Thế giới Tất đàn”: Tức là thuận theo Tâm khiến hoan hỷ.

“Tùy nẻo sai biệt của Hành tức là Vị nhân Tất đàn”, tức do Tâm, Hành chẳng đồng nên “Sinh thiện” (Vị nhân tất đàn) khác nhau. Như đối với Tâm ưa tịch tĩnh thì nên giáo hóa về Thiền định. Nếu tâm sáng láng lạnh lợi thì nêu giảng về Trí tuệ. Ất dùng sự khéo léo để thành tựu. Nơi văn, thì nối kiếp phần trên thuộc về Vị nhân Tất đàn.

Về Đệ nhất nghĩa tất đàn tức chính ở chỗ “Thấy lý”. “Thấy lý” thì mới được gọi là thành tựu. Lại nói, thành tựu là chung cả ba Tất đàn trước. Ba Tất đàn trước đều là “Thấy lý”.

- Sở câu: “Thứ sáu là Tứ nhiếp nhiếp sinh Tam muội”: Trong phần nói về “Bố thí nhiếp”, hai kệ đầu có hai lớp giải thích:

Một: Căn cứ nơi Tài thí. Mọi vật cần dùng nơi ngôi vua đều thuộc về tài sản bên ngoài. Ngôi vua thì gồm cả thân mạng, cũng thuộc về tài sản bên trong.

- Sở từ câu: “Lại sự bố thí này” tiếp xuống: Là lớp giải thích thứ hai, về nữa kệ tiếp theo. Tham đắm vật dụng đáng yêu thích là một trong ba thứ “Khó làm” của Bố thí. Tiếp theo là Pháp thí và Vô úy thí gồm cả Tài thí ở trước. Ba thí này là Nhất thiết thí. Lại đem hai thí sau cho thuộc về “Toại cầu thí” (bố thí thỏa mãn chỗ cầu xin).

Nhưng căn cứ theo Luận Du Già thì sáu độ, bốn Nhiếp pháp, mỗi thứ đều có chín môn (Tướng). Tụng của Luận nêu:

*Tự tánh, Nhất thiết, Nan (Hành)
Nhất thiết môn, Thiện sĩ
Nhất thiết chủng, Toại cầu
Nhị thế lạc, Thanh tịnh.”*

Tự tánh đều là một. Nhất thiết thì hoặc hai hoặc ba. Nam hành đều là ba. Nhất thiết môn đều là bốn. Thiện sĩ đều là năm. Nhất thiết chủng đều là sáu. Toại cầu đều là bảy, tám. Nhị thế lạc đều là chín. Thanh tịnh đều là mười. Bốn Nhiếp pháp tức nơi quyển thứ ba mươi ba (Luận), đến Phẩm thập Hạnh lại nói rõ về Tướng.

Nay, bản Sở giải nói “Tức là Nan Hành” do Nan Hành có ba:

Một: Vật ít mà bố thí tự tại.

Hai: Tham đắm nơi vật đáng yêu thích mà bố thí.

Ba: Khó khăn hết sức lớn lao mới đạt được tài sản mà bố thí.

- Sở từ câu: “Lại, hai kệ sau... Đến tùy theo chỗ cầu xin liền cho”: Là “Toại cầu thí”. “Toại cầu” có tám:

Một: Thiếu thốn về đồ ăn uống mà có người xin thì cho ngay đồ

ăn uống ấy.

Hai: Thiếu thốn về xe cộ mà có kẻ cầu xin thì cho ngay xe cộ.

Ba: Thiếu thốn về y phục.

Bốn: Về vật dùng trang sức.

Năm: Các vật dụng cần cho cuộc sống.

Sáu: Các thứ hương xoa nơi thân, tóc.

Bảy: Nhà cửa.

Tám: Ánh sáng.

Sáu thứ sau đều như hai câu đầu, (tức có câu: Mà có kẻ cầu...) theo văn có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Tất cả Ái ngữ v.v...” tiếp xuống: Là chỗ nêu ra về Ái ngữ (Nhiếp pháp thứ hai), có ba thứ Ái ngữ:

Một: Ái ngữ nhằm an ủi, vỗ về.

Hai: Ái ngữ đem lại sự vui mừng, thích thú.

Ba: Ái ngữ tạo lợi ích trội hơn.

- Sở câu: “Nói các thứ Phạm âm”: Tức là tám thứ Phạm âm. Văn nơi bản Sở giải đã nêu đủ. Hai loại đầu có giải thích. sáu loại sau chỉ nêu tên. Nếu giải thích thì:

Ba là điều hòa, tức lớn nhỏ cùng thích hợp.

Bốn là dịu dàng, mềm mỏng, tức lời nói không thô ác.

Năm là, không nhầm lẫn, tức ngôn từ không sai lạc, lẫn lộn.

Sáu là, không như lời nói của nữ nhân, tức âm thanh mạnh mẽ, hùng hổ rõ ràng.

Bảy là, tôn quý, sáng suốt tức ngôn từ không gây sợ hãi.

Tám là sâu xa, tức âm thanh phát ra mang âm hưởng sâu xa.

- Sở câu: “Tùy theo tâm thuyết pháp nêu ra ở kệ sau”: Do kệ sau nói tám vạn pháp môn, là “Ngôn ngữ thuận theo chánh pháp mà giáo hóa”. Cho nên hợp lại nói: “Tùy theo tâm mà giảng nói”.

Kệ trước nói về “Các thứ Phạm âm”, là “Thuận theo nghi thức, phép tắc của thế gian”, hợp lại nói: “Tùy chỗ thích nghi nơi thế gian mà hóa độ dẫn dắt”.

- Sở câu: “Tụng đầu là tất cả Đồng sự”: Theo Luận du Già thì “Đồng sự” không nêu ra Tướng riêng, chỉ cùng với “Lợi hành” ở trên thì gọi là Đồng sự. (Hai nhiếp pháp ba, bốn).

Nên Lợi hành ở trước, tức chỉ rõ chỗ đồng. Về lợi, kém v.v... là hết thảy. Chữ vân vân là chỉ cho chê, khen, thuận, trách khổ, vui.

“Nhấn nơi các khổ mà đồng sự” tức chỗ “Khó làm” (Nan hành) của đồng sự có ba. Cũng không có tướng riêng, tức giống với ba thứ khó

làm của Lợi hành tức là:

Một: Đối với việc tạo nhân cho thiện căn thù thắng, chưa làm, thì vì chỗ tạo tác của chúng sinh mà Lợi hành.

Hai: Hiện tại tham đắm nơi tài sản địa vị lớn lao với mọi vật dụng đầy đủ, vì chỗ tạo tác của chúng sinh mà Lợi hành.

Ba: Đối với hàng ngoại đạo dị chấp theo nẻo tà kiến, tà hạnh, vì chỗ tạo tác của họ mà Lợi hành.

Đồng sự thì cũng như thế. Nay, đối với ba đồng sự nêu trên đều cần phải nhẫn chịu mọi khổ.

- Số câu: “Một tức mười thứ Lợi hành thành tịnh”: Nghĩa là, một là dựa nơi thanh tịnh bên ngoài thì có năm thứ. Hai là dựa nơi thanh tịnh bên trong cũng có năm. Dựa nơi bên ngoài có năm thứ là:

Một: Lợi hành không tội lỗi.

Hai: Lợi hành không chuyển đổi.

Ba: Lợi hành lần lượt.

Bốn: Lợi hành thực hiện khắp chốn.

Năm: Lợi hành ứng hợp.

Luận đã giải thích rộng về tướng trạng.

Dựa nơi thanh tịnh bên trong có năm thứ là:

Một: Chư vị Bồ tát, đối với chúng sinh, dấy khởi tâm bi rộng lớn, theo chỗ ưa thích hiện tiền của tâm ý mà hành Lợi hành.

Hai: Chư vị Bồ tát, đối với các chúng sinh, dấy khởi chỗ tạo ra nghĩa lợi, dù phải nhận chịu hết thảy mọi khổ lớn, khó nhọc mà tâm không chán mệt, lại sinh sự hoan hỉ sâu xa, vì các chúng sinh mà hành Lợi hành.

Ba: An trụ nơi chốn tối thắng với tài sản địa vị bậc nhất mà tự khiêm cung như con cái, như kẻ giúp việc, cùng lìa bỏ kiêu mạn mà hành Lợi hành.

Bốn: Tâm không cấu nhiễm nơi Ái dục, cũng không giả dối, chân thật thương xót chúng sinh mà hành Lợi hành.

Năm: Đã phát khởi trọn vẹn không còn thối chuyển, với tâm từ bi mà hành Lợi hành.

- Số câu: “Ba câu tiếp theo tức là Lợi hành Thiện sĩ”: “Thiện sĩ” có năm:

Một: Ở nơi nghĩa chân thật khuyến khích, dẫn dắt chúng sinh.

Hai: Ở chỗ ứng hợp thời khuyến khích dẫn dắt.

Ba: Ở nơi có thể hành hóa, thấu tóm diệu nghĩa thù thắng, khuyến khích dẫn dắt.

Bốn: Đối với chúng sinh nên hòa nhã, mềm dịu để khuyến khích, dẫn dắt.

Năm: Ở nơi chúng sinh luôn đem tâm từ bi để khuyến khích, dẫn dắt.

Năm tướng này đều là pháp của bậc đại nhân. Tâm từ bi khuyến khích, dẫn dắt là gồm chung cho cả sau, trước.

- Số câu: “Hai kệ tiếp theo là Lợi hành Toại cầu”:

Luận viết: Đây lược nêu có tám:

Một: Nghĩa là chư vị Bồ tát thấy các chúng sinh, đối với điều nên xấu hổ, đã không xấu hổ mà còn bị điều ấy trói buộc, nên dùng phương tiện để khai mở khiến xa lìa chỗ bị trói buộc kia.

Hai: Không biết thẹn đối với kẻ khác.

Ba: Hôn trầm (chìm đắm trong sự u tối).

Bốn: Ham ngủ nghỉ.

Năm: Dao động, lãng xãng.

Sáu: Tạo điều ác.

Bảy: Ganh ghét.

Tám: Keo kiệt, bủn xỉn.

Bảy loại sau đều như phần nói về “Không biết xấu hổ”.

- Số câu: “Hai kệ tiếp theo tức là Lợi hành Nhứt thiết chủng”:

Luận nói Lợi Hành này hoặc có sáu, hoặc có bảy.

Nói có sáu gồm:

Một: Đối với người nên thâm nhận để giáo hóa thì chính thức thâm nhận.

Hai: Nên điều phục thì chính thức điều phục.

Ba: Đối với kẻ ghét bỏ, chống lại Thánh giáo thì diệt trừ chỗ giận dữ kia.

Bốn: Đối với hạng người không thân không ghét Thánh giáo (ở giữa) thì khiến họ hội nhập vào Thánh giáo.

Năm: Đối với người ở trong ba Thừa thì khiến họ thành tựu trọn vẹn.

Sáu: Đối với người đã thành tựu trọn vẹn thì khiến đạt được giải thoát. Về bảy thứ là đối với các Bồ tát an trụ một phần nơi đối tượng được giáo hóa là chúng sinh, đối với những hành trang thiện, tốt cần phải giữ gìn. Nuôi lớn. Đó là:

Một: Dựa nơi Thừa thấp để giải thoát.

Hai: Dựa nơi Đại thừa để giải thoát.

Ba: Ở nơi chỗ xa lìa.

Bốn: Ở nơi Tâm đồng nhất với Tánh của Cảnh.

Năm: Ở nơi các chướng ngại đã thanh tịnh.

Sáu: Ở nơi hai Thừa mà đã an trụ chính đáng.

Bảy: Ở nơi đạo quả Bồ đề vô thượng mà được an trụ.

- Sở câu: “Một kệ sau tức là Lợi hành Nhứt thiết môn, nghĩa là chẳng tin thì khiến cho tin tưởng”: Loại này lược có bốn:

Một: chẳng tin khiến cho tin.

Hai: Đối với chúng sinh phạm giới thì khiến họ giữ giới viên mãn.

Ba: Đối với chúng sinh có trí tuệ xấu ác thì khiến họ đạt được trí tuệ đầy đủ.

Bốn: Đối với chúng sinh keo kiệt, bủn xỉn thì khiến họ đạt được pháp thí xả viên mãn.

Nay, văn nơi bản Sở giải chỉ lược nêu một loại.

- Sở câu: “Luận Du Già nói rộng về Lợi hành ở trước”: Là lãnh hội hai phần trước sau. Theo văn có thể nhận biết.

- Sở câu: “Luận Tỳ Bà Sa quyển thứ bảy mươi chín nói”: Luận viết: “Tỳ-nại-da nói: Đức Thế Tôn có lúc vì bốn Thiên vương nên dùng tục ngữ của vùng nước nơi biên giới phía Nam Ấn Độ để giảng nói về bốn Thánh đế. Tức là ngôn ngữ “Y nê mê nê du bộ đạt diệp thích miệt lệ xa” để giảng nói về bốn Thánh đế... Luận nêu dẫn Kinh Tịnh Danh nói về Âm thanh viên mãn là khó.” Phần tiếp theo giải thích có bảy:

Một: Có chỗ cho là, Phật dùng Thánh ngữ để giảng nói về bốn Thánh đế, có thể khiến cho tất cả đối tượng được giáo hóa là chúng sinh đều được lãnh hội, hiểu rõ. Vì sao phải tạo ra những ngôn ngữ như thế? Vì nhằm làm thỏa mãn ý của người nghe, như Thiên Vương kia muốn nghe. Phần tiếp theo đều chọn lấy ý để nêu dẫn.

Hai: Lại nữa, đức Thế Tôn muốn hiển bày. Đối với các thứ ngôn ngữ, âm thanh, Phật đều có thể khéo thông hiểu. Vì có chỗ nghi cho là Phật chẳng thể biết các ngôn ngữ khác.

Ba: Lại nữa, có đối tượng được hóa độ, dựa nơi ngôn ngữ, hình ảnh bất biến của Phật mà được thọ nhận sự hóa độ. Có đối tượng được giáo hóa dựa nơi ngôn từ, hình tướng chuyển biến của Phật mà thọ nhận sự giáo hóa.

Bốn: Lại có thuyết nói, Phật dùng một thứ âm thanh để giảng nói về bốn Thánh đế, chẳng thể khiến cho hết thảy đối tượng được hóa độ là chúng sinh đều được lãnh hội, hiểu rõ. Vì đức Thế Tôn tuy có thần lực tự tại, nhưng đối với cảnh giới chẳng thể cải đổi, vượt qua. Như

chẳng có thể khiến cho tai thấy được các màu sắc.

Năm: Lại nữa, ngôn ngữ, âm thanh của Như Lai biến hiện khắp các cõi âm thanh khác, tùy theo chỗ mong muốn về ngôn ngữ đều có thể tạo tác...

Sáu: Lại nữa, ngôn ngữ của Phật chuyển biến nhẹ nhàng, sắc bén, nhanh nhạy, nên nói:

*“Phật dùng một âm thanh nói pháp
Chúng sinh mỗi mỗi tùy được hiểu”.*

Bảy: Lại nữa, ngôn ngữ âm thanh của Như Lai tuy có nhiều thứ, mà cùng có sự lợi ích, nên nói là một âm thanh.

Giải thích: Về bảy cách giải thích trên, thì ba cách giải thích trước có thể thông tỏ. Còn bốn cách giải thích sau thì thiếu cận, Tam Tạng pháp sư hẳn là đã dựa nơi Tiểu thừa để nêu bày.

- Số câu: “Miệt Lệ Xa”: Theo Tam Tạng pháp sư thì gọi là “Ác trong ác”. Cũng gọi là “Nô trong nô”, đều là phiên dịch theo nghĩa.

